

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**LÝ LỊCH DI TÍCH**

**I/ Tên gọi di tích:**

- Tên gọi di tích được thống nhất sử dụng trong hồ sơ khoa học di tích: Miếu Trung Gian.

- Tên gọi khác: Lăng Ông.

**II/ Địa điểm và đường đi đến di tích:**

**1. Địa điểm di tích:** thôn Trung Hà – xã Cẩm Kim

**2. Đường đi đến di tích:**

Từ trụ sở UBND xã Cẩm Kim rẽ phải, sau đó tiếp tục rẽ phải qua đường liên thôn; đi hết đường này, rẽ phải đi thẳng một đoạn khoảng 500m, sau đó rẽ trái vào đường bê tông, đi theo đường này khoảng 50m là đến di tích. Di tích nằm bên tay trái, sát đường, trước mặt là cánh đồng có tên là đồng San Úi trồng các loại hoa màu. Có thể đi đến di tích bằng các phương tiện giao thông đường bộ: xe đạp, xe máy, ...

**III/ Phân loại di tích:**

Di tích kiến trúc nghệ thuật.

**IV/ Sự kiện, nhân vật lịch sử, đặc điểm của di tích:**

Xã Cẩm Kim hiện nay vốn là vùng đất thuộc Chiêm Động - Cổ Lý của vương quốc Champa từ trước thế kỷ XV và thuộc về nước Đại Việt quản lý vào cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII. Vào thế kỷ XIX, dưới thời nhà Nguyễn, đơn vị hành chính của vùng đất này là châu Kim Bồng, tổng Mỹ Khê, huyện Duy Xuyên, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Theo nguồn tư liệu gia phả cho biết, thủy tổ các tộc Nguyễn, Huỳnh, Phan, Trương là những vị tiên hiền có công khai phá đất đai ở đây; sau đó có thêm các tộc khác: Đỗ, Bùi, Lê ... Đáng lưu ý là vào đầu thế kỷ XVIII đã có một bộ phận người Minh Hương đến định cư tại đây. Điều này thể hiện qua sổ ghi ngân lễ làng Minh Hương; theo đó, sổ ghi ngân lễ năm Cảnh Hưng thứ 5 (1744) ghi tên 13 người làng Minh Hương sống ở châu Kim Bồng cúng số tiền là 7 quan, 9 mạch; sổ ngân lễ năm Cảnh Hưng thứ 7 (1746) ghi tên 16 người làng Minh Hương sống ở châu Kim Bồng cúng số tiền là 8 quan, 2 mạch và sổ ngân lễ năm Cảnh Hưng thứ 8 (1747) ghi tên 11 người làng Minh Hương sống ở châu Kim Bồng cúng số tiền là 6 quan, 2 mạch.

Việc có sự cộng cư của người Minh Hương ở đây dẫn đến sự du nhập văn hóa bên ngoài (của người Hoa) vào vùng đất này, bên cạnh văn hóa thuần Việt. Điều này phần nào được minh chứng và lý giải qua sự tồn tại của ngôi miếu Trung Gian hiện nay – ngôi miếu thờ chủ thể chính là Quan Thánh – một tín ngưỡng văn hóa phổ biến của người Hoa. Ngoài ra, trên địa bàn xã Cẩm Kim

còn có gia đình ông Trần Tứ ở thôn Trung Châu hiện vẫn duy trì tục thờ và cúng Quan Thánh.

Chúng tôi chưa thu thập được tư liệu thành văn nào xác định thời gian xây dựng của ngôi miếu này. Qua điều tra hồi cố của các vị cao niên hiện sống ở khu vực lân cận di tích chỉ cho biết, đầu thế kỷ XX, ngôi miếu này đã được xây dựng. Quy mô ngôi miếu lúc bấy giờ nhỏ hơn, chỉ có kiến trúc một gian, bên trong thờ 03 tượng lớn, trong đó tượng Quan Thánh ở giữa. Trải qua các cuộc chiến tranh, nhất là thời gian kháng chiến chống Mỹ; nhiều, có thời điểm toàn bộ cư dân ở đây di tản cư nơi khác nên trong thời gian này một phần không được chăm sóc, phần bị chiến tranh tàn phá nên ngôi miếu bị hư hại lớn. Đến năm 1975, ngôi miếu đã bị sụp đổ hoàn toàn, chỉ còn lại nền móng. Để có nơi thờ cúng, người dân đã che tạm lại bằng tôn và khoảng năm 1986 tiến hành xây dựng miếu trên nền móng cũ với hình thức kiến trúc cơ bản như hiện nay gồm 2 nếp, mỗi nếp có 03 gian. Tuy nhiên qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy một chi tiết đáng lưu ý là hiện ở miếu có 02 phiến đá đã được gia công, người dân cho biết chúng đã có ở đây từ lâu. Một phiến đá có kích thước: dài 0,67m x rộng 0,48m x dày 0,08m và một phiến đá lớn có kích thước: dài 2,27m x rộng 0,5m x dày 0,07m; trong đó phiến đá lớn có hình thức như một cánh cửa đi. Điều này có thể gợi ra suy nghĩ cần làm rõ hơn về kiến trúc cũng như quy mô ngôi miếu trước đây.

Trong việc bố trí thờ tự ở đây, bên cạnh bàn thờ Quan Thánh ở gian giữa, hai gian bên còn có thờ tượng Thần Hoàng bản xứ và Ngũ Hành tiên nương. Chúng tôi nghĩ rằng do có thời gian gần như toàn bộ người dân ở đây tản cư, bộ phận người Hoa cũng trong tình cảnh chung đó nên sau ngày giải phóng, sau khi về lại định cư chỉ có người dân địa phương (người Việt) và họ đã phục hồi ngôi miếu trên cơ sở thờ tự cũ và đã bổ sung đôi tượng thờ tự để phù hợp với tín ngưỡng địa phương (thực tế hiện nay ở địa phương đã không còn gia đình có gốc Hoa sinh sống). Hơn nữa các vị cao niên còn cho biết vào khoảng đầu thế kỷ XX, bên cạnh miếu này (miếu Ông) còn có miếu Bà (Ngũ Hành) ở dưới trường THCS Lý Thường Kiệt hiện nay nhưng cũng bị sụp đổ trong chiến tranh. Duy trì chức năng thờ tự cũ (chủ thể chính là Quan Thánh), phục hồi tín ngưỡng thờ Ngũ Hành khi miếu đã bị sụp đổ và để có nơi tạ ơn Thần Hoàng bản xứ bảo hộ xóm làng có lẽ là những lý do có hiện tượng phối thờ ở miếu như hiện nay.

#### **V/ Sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng liên quan đến di tích:**

Hàng năm, nhân dân địa phương tổ chức cúng tế mỗi năm 2 lễ: lễ Xuân vào ngày 13 tháng Giêng và ngày 23 tháng 6 âm lịch. Trình tự lễ cúng cũng diễn ra như ở các lăng, miếu khác của Cẩm Kim; riêng cúng trong miếu từ trước đến nay luôn là cúng chay.

#### **VI/ Khảo tả di tích:**

Hiện trạng miếu có mặt tiền xoay về hướng Nam. Các mặt phía Bắc, Đông, Nam giáp với đất trống, phía Nam là cánh đồng trồng hoa màu; giữa bình phong và miếu có đường bê tông cắt ngang khuôn viên. Tổng thể di tích bao gồm các hạng mục: bình phong, hiên và miếu chính.

Hạng mục bình phong có kích thước tổng thể là 3,5m x 1,5m, được xây gạch có dạng hình cuốn thư, hai bên có hai trụ xây cao 1,7m, trên đầu trụ gắn cặp con Lân bằng sứ cao khoảng 0,3m; mặt trong trụ đắp nổi cặp câu đối chữ Hán: Nguyên văn: 三 英雄無对手/弋場 忠列有完人, phiên âm: Tam quốc anh hùng vô đối thủ/Nhất trường trung liệt hữu hoàn nhân.

Chính giữa mặt trong bình phong đắp nổi đề tài “Long Mã phụ hà đồ”. Sát mặt trong bình phong đặt án thờ thờ Âm linh trên phiến đá có kích thước dài 0,67m x rộng 0,48m x dày 0,08m. Chính giữa bình phong mặt ngoài đắp nổi hình Rồng vờn thú. Cách mặt trong bình phong khoảng 1m là cây vạn tuế. Theo người dân địa phương thì cây vạn tuế này còn lại sau khi ngôi miếu cũ bị sụp đổ, ít nhất cũng đã gần trăm năm tuổi. Từ mặt đất cây phân thành hai nhánh, đường kính mỗi nhánh tại vị trí lớn nhất tương đương nhau, khoảng 0,5m. Một điều cũng đáng lưu ý nữa là bình phong nằm giữa miếu chính nhưng không song song nhau. Cạnh bên trái (ngoài nhìn vào) bình phong đến hiên là 8,3m, cạnh bên phải là 9,5m. Tư liệu hồi cố cho biết khi tu sửa miếu có quy mô như hiện nay, bình phong cũ vẫn còn, chỉ xuống cấp và được tô trát lại. Điều này có thể thấy hướng miếu cũ cũng xoay mặt như hiện nay và miếu mới cơ bản được làm trên nền móng cũ.

Lên bậc tam cấp là đến hiên. Nền hiên lát xi măng. Hiên có diện tích khoảng 23,8m<sup>2</sup> (5,95m x 4m). Mái lợp bằng tôn fibro xi măng, có 02 mái với hệ đỡ bằng 02 bộ kèo gỗ và 02 tường đầu hồi. Trên bờ nóc gắn con giống đề tài “Lưỡng Long châu Nhật”, cuối mỗi bờ chảy gắn hình đao lá. Xung quanh hiên không xây tường bao, chỉ có các cột xây đỡ mái. Mặt ngoài 04 cột ngoài đắp nổi hai cặp câu đối chữ Hán. Cặp câu đối trong: nguyên văn: 金地 光彰事業/蓬名顯赫著基圖, phiên âm: Kim địa vinh quang chương sự nghiệp/Bông danh hiển hách trú cơ đồ. Cặp câu đối ngoài: nguyên văn: 前人創業千秋在/後輩開基萬代存, phiên âm: Tiên nhân sáng nghiệp thiên thu tại/Hậu bối khai cơ vạn đại tồn.

Hiên nối với miếu chính thông qua hệ thống cửa ở 03 gian. Cửa hai gian bên 01 cánh, gian giữa 02 cánh. Các cánh cửa bằng tôn bản, khung gỗ. Phía tường trên cửa vào gian giữa đắp nổi 03 chữ quốc ngữ: Miếu Trung Gian.

Miếu chính có diện tích khoảng 16m<sup>2</sup> (4,2m x 3,77m). Mái lợp ngói xi măng, có 02 mái với hệ đỡ bằng 02 bộ kèo gỗ và tường đầu hồi, xung quanh xây tường bao. Bờ nóc mái gắn con giống đề tài “Lưỡng Long châu Nhật”. Không gian bên trong chia thành 03 gian, trong đó gian giữa lớn hơn hai gian bên: rộng 1,8m so với 1,2m. Sát tường sau mỗi gian đặt 03 án thờ xây:

Gian giữa: trên bức tường sau treo trướng khám bằng gỗ (không có thân khám); mảng tường phía dưới vẽ màu thêm tạo hình khám thờ. Giữa tường vẽ hình Long ấn, phía trên viết 04 chữ Hán: nguyên văn: 關聖帝君, phiên âm: Quan Thánh đế quân. Bệ thờ đặt 03 tượng lớn làm bằng xi măng: ở giữa là tượng Quan Thánh trên bệ xây, trong tư thế đang ngồi. Tượng cao kể cả bệ là 0,99m (riêng phần tượng là 0,85m). Bên trái tượng Quan Thánh là tượng Quan

Bình, bên phải là tượng Châu Thương. Hai tượng này trong tư thế đứng và cao bằng nhau: 0,97m. Quần bàn thờ vẽ màu hình con Hổ lớn.

Gian trái: trên bức tường sau vẽ hình con Hổ, phía trên viết 04 chữ Hán: nguyên văn: 神隍本處, phiên âm: Thần Hoàng bản xứ. Trên bệ thờ đặt tượng Thần Hoàng bằng xi măng trong tư thế đang ngồi, cao cả bệ là 0,75m (riêng tượng là 0,6m). Quần bàn thờ vẽ màu hình lọ hoa Mai và hoa Lan.

Gian phải: trên bức tường sau vẽ hình con Phượng, giữa tường viết 03 chữ Hán: nguyên văn: 五行宮, phiên âm: Ngũ Hành cung. Trên bệ thờ đặt 05 tượng bà Ngũ hành bằng xi măng đang trong tư thế ngồi. Tượng ở giữa lớn hơn, đặt trên bệ cao; chiều cao tổng thể là 0,42m (riêng tượng cao 0,37m); các tượng còn lại không đặt trên bệ và cao tương đương nhau là 0,31m. Ngoài ra còn có 01 tượng cũ – là một trong các tượng bà Ngũ Hành (tượng này có y phục màu vàng) đang trong tư thế đứng cũng được đặt bên cạnh, có chiều cao là 0,4m. Quần bàn thờ vẽ màu hình lọ hoa Cúc, cây Trúc.

## **VII. Hiện vật và sơ đồ phân bố:**

### **a. Hiện vật:**

- 01 trâm khám thờ bằng gỗ.
- 02 phiến đá, có kích thước: 2,27 x 0,5 x 0,07m và 0,67 x 0,48 x 0,08m.
- 06 tượng Ngũ hành đều bằng xi măng (trong đó có 01 tượng cũ, màu vàng).
- 01 tượng Quan Công, 01 tượng Quan Bình, 01 tượng Châu Thương (đều bằng xi măng).
- 01 tượng Thành Hoàng bằng xi măng
- 01 cặp đèn bằng đồng ở bàn thờ gian giữa.
- Ngoài ra còn có các vật thờ tự mới bằng chất liệu hiện đại: nôi hương, bình hoa, ...

### **b. Sơ đồ phân bố: đính kèm**

## **VIII/ Giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ của di tích:**

Cung cấp cơ sở sử liệu thực địa quan trọng để nghiên cứu về quá trình cộng cư nói chung, sự ảnh hưởng của người Hoa đối với vùng đất này nói riêng trong lịch sử.

Việc thờ Quan thánh tại ngôi miếu, lại là chủ thể thờ chính, đồng thời phối thờ Thành hoàng bản xứ và Ngũ hành tiên nương cho thấy nét độc đáo trong đời sống văn hóa tín ngưỡng của cư dân địa phương.

Ngôi miếu từ lâu đã trở thành địa điểm sinh hoạt văn hóa quan trọng của người dân địa phương; nơi tạo ra sự cố kết cộng đồng dân cư, góp phần tạo nên sức mạnh trong việc chung tay phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

## **IX/ Thực trạng bảo vệ và phát huy giá trị di tích:**

Hiện ngôi miếu đã được ghi vào danh mục di tích bảo vệ của thành phố Hội An từ năm 2000.

Ngôi miếu đã được UBND xã Cẩm Kim lập trích lục bản đồ đất vào năm 2011.

Ngôi miếu hiện đang được nhân dân khối Hà Trung chăm nom hương khói thường xuyên và duy trì hoạt động cúng tế hàng năm theo nghi thức truyền thống.

#### **X/ Phương hướng bảo vệ và phát huy giá trị di tích:**

Cần thiết tiến hành cắm mốc khoanh vùng bảo vệ đối với di tích. Đồng thời khắc phục hiện trạng đường bê tông chạy cắt ngang ngôi miếu như hiện nay để bảo vệ và phát huy giá trị di tích tốt hơn.

Hiện trạng di tích có nhiều hạng mục xuống cấp, kiến trúc, vật liệu mang tính tự phát nên cần thiết nghiên cứu, tìm hiểu kiến trúc xưa để có giải pháp phục hồi hoặc tôn tạo phù hợp.

Trong định hướng phát triển của xã Cẩm Kim nói chung, trong việc phát huy tiềm năng du lịch thông qua tài nguyên văn hóa nói riêng cần xem đây là một trong những nguồn lợi góp phần cho mục tiêu phát triển chung.

#### **XI/ Kết luận:**

Đây là một trong những di tích có giá trị cao về mặt lịch sử, văn hóa ở Cẩm Kim nói riêng, ở Hội An nói chung; đặc biệt là việc ghi dấu ảnh hưởng của người Hoa tại di tích – một hiện tượng không phổ biến trong các di tích ở Hội An nằm ngoài khu phố cổ. Vì vậy việc quan tâm bảo tồn và phát huy giá trị di tích là rất cần thiết trong thời gian đến.

#### **XII. Tài liệu tham khảo:**

- Thông tin nghiên cứu Kim Bồng – Cẩm Kim, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An.

- Hồi cố các vị cao niên hiện sống gần di tích: ông Huỳnh Ký, ông Trần Mỹ, ...

**PHÒNG QUẢN LÝ DI TÍCH**  
**Trưởng phòng**

*(Đã ký)*

**Trương Hoàng Vinh**

*Hội An, ngày      tháng      năm 2016*  
**Người lập**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Cường**

**BAN GIÁM ĐỐC**  
**Phó Giám đốc**  
*(Đã ký)*

**Trần Văn An**